

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGỮ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 11

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận- Lớp 11

T T	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dun g	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	2 câu (10%)	2 câu (20%))	1 câu (10%))		5 câu (40%)
		Văn nghị luận					
2	Viết	- Viết đoạn nghị luận (nghị luận văn học).	1*	1*	1*	1*	1 câu (20%)
		- Viết văn bản thuyết minh về sự vật hiện tượng trong tự nhiên.	1*	1*	1*	1*	1 câu (40%)
Tổng			30%	40%	20%	10%	100%
			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng %
1	ĐỌC HIỂU	1. Văn bản thông tin (Ngữ liệu ngoài)	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết, đề tài của văn bản. - Nhận biết được thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản.	2	2	1		40

		sách giáo khoa)	- Nhận biết được bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản. Thông hiểu: - Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản. - Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản. - Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết. Vận dụng cao: - Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong văn bản.					
		2. Văn	Nhận biết:					

		bản nghị luận - Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản. - Xác định được các luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản. - Nhận biết các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định được mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản. - Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản. - Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận. - Trình bày được quan điểm đồng tình hay					
--	--	---	--	--	--	--	--

			không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản. Vận dụng cao: Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.					
2	VIẾT	1. Viết đoạn nghị luận.	Nhận biết - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn. - Xác định rõ mục đích, đối tượng nghị luận. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. Thông hiểu - Trình bày được những nội dung khái quát của văn bản. - Triển khai thành các luận điểm. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của văn bản. - Kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng - Nêu được bài học rút ra từ văn bản. - Thể hiện sự đồng tình/không đồng tình với thông điệp của tác giả	1	1	1	1	20

			(thể hiện trong văn bản) - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp lí. Vận dụng cao - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức văn bản. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh. - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản. - Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh. Thông hiểu: - Trình bày rõ nội dung thuyết minh; cấu trúc bài viết sáng rõ, ngôn ngữ tường minh, chính xác, cụ thể, khách quan. - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, bố cục với nội dung, mục đích, đối tượng thuyết minh; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Bài viết có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. Vận dụng: Lòng ghép hợp lí các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng	1	1	1	1	40
		2. Viết văn bản thuyết minh						

			sức hấp dẫn cho văn bản. Vận dụng cao: Vận dụng hiệu quả những kiến thức về Tiếng Việt lớp 11 để tăng sức hấp dẫn, tính sinh động của nội dung thuyết minh.					
Tỉ lệ %				30	40	20	10	100
Tỉ lệ chung				70		30		100

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

BÀI 8: CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin

Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về hình thức thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm... Những dấu hiệu này giúp cho người đọc nắm bắt thông tin chính của văn bản một cách nhanh chóng. Nhan đề thường giới thiệu chủ đề của văn bản. Các đề mục tô đậm nội dung chính hoặc chỉ ra điểm bắt đầu của một chủ đề hoặc một mục mới. Các chữ in nghiêng, in đậm thường được sử dụng để nhấn mạnh những từ ngữ then chốt. Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ,...thường trực quan hoá những thông tin quan trọng trong văn bản. Bằng cách đọc lướt hình thức trình bày của văn bản, người đọc có thể dễ dàng nhận ra chủ đề, các nội dung chính và cấu trúc của văn bản thông tin.

2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin

Nội dung của văn bản thông tin được tạo thành bởi các yếu tố chính: chủ đề, các ý chính và ý phụ. Chủ đề là vấn đề chủ yếu được đề cập trong văn bản thông tin, thường được diễn đạt bằng một từ hoặc một cụm từ. Ý chính là ý quan trọng nhất mà tác giả muốn nói về chủ đề. Thông thường, ý chính của một đoạn văn hoặc một mục sẽ được trình bày trực tiếp trong câu chủ đề, thường ở đầu hoặc cuối đoạn văn. Đôi khi ý chính ẩn chìm trong văn bản và người đọc cần phải suy luận dựa vào những thông tin mà tác giả cung cấp. Ý phụ là các thông tin chi tiết nhằm bổ sung, làm rõ cho ý chính. Việc nhận ra chủ đề, ý chính và ý phụ của văn bản giúp người đọc nắm được bố cục, mạch lạc của văn bản, hiểu được bản chất của vấn đề được đề cập, nhờ vậy dễ dàng tiếp nhận và ghi nhớ thông tin.

3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin

Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với tiến trình nhận thức tự nhiên của người đọc. Có một số hình thức thông tin chính: theo trật tự thời gian, theo trật tự nhân quả, theo tầm quan trọng của vấn đề, theo quan hệ so sánh hoặc tương phản.

Tổ chức thông tin theo trật tự thời gian là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản lịch sử, tự thuật, tiểu sử, hướng dẫn quy trình tiến hành một hoạt động,... Có thể dễ dàng nhận ra mô hình tổ chức này dựa vào các từ ngữ chỉ thời gian như *ngày, tháng, năm*; các từ ngữ chỉ trình tự như *trước hết, sau đó, tiếp theo*...

Tổ chức thông tin theo trật tự nhân quả là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản lịch sử, văn bản khoa học mô tả các hiện tượng tự nhiên,... Có thể nhận ra mô hình tổ chức này dựa trên các từ ngữ chỉ quan hệ nhân quả như *bởi vì, cho nên, vì thế, do đó, nguyên nhân là, kết quả là*...

Tổ chức theo tầm quan trọng của vấn đề là sắp xếp các thông tin theo cách từ những thông tin qua trọng nhất đến những thông tin ít quan trọng hơn hoặc ngược lại. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản mô tả cấu trúc của một đối tượng hoặc phân tích một vấn đề, thực trạng,... Có thể nhận ra mô hình tổ chức này dựa trên các từ ngữ chỉ thứ tự ưu tiên như *thứ nhất, thứ hai, thứ ba*...

Tổ chức thông tin theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của của hai hay nhiều đối tượng. Mô hình tổ chức này thường được sử dụng trong các văn bản khoa học. Các từ ngữ thể hiện mối quan hệ so sánh, tương phản thường là *giống với, khác với, ngược lại, tương tự như vậy, điểm chung, điểm khác biệt*...

4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin

Văn bản thông tin có nội dung khách quan, hạn chế tối đa việc thể hiện quan điểm, thái độ của tác giả. Tuy nhiên, mỗi tác giả khi viết văn bản thông tin thường hướng tới một mục đích nhất định. Mục đích giao tiếp chủ yếu của văn bản thông tin là cung cấp thông tin, nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhắm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,... Mặc khác, kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ quan điểm, thái độ đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản. Có thể nhận ra toàn bộ mục đích, quan điểm, thái độ nói trên dựa vào các tiếp cận, lí giải chủ đề, dựa vào giọng điệu hoặc cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả.

BÀI 9: LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

1. Văn bản văn học có nhiều chủ đề

Thực tế văn học cho thấy, không hiếm văn bản cùng lúc thể hiện nhiều chủ đề và các chủ đề được phân loại theo những tiêu chí khác nhau. Xét mức độ biểu hiện đậm hay nhạt, mạnh hay yếu của chủ đề thông qua toàn bộ thế giới nghệ thuật được miêu tả, có thể nói đến chủ đề chính và chủ đề phụ (việc xác định đâu là chính, đâu là phụ nhiều khi phụ thuộc vào sự tiếp nhận khác nhau của người đọc chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào chủ ý của tác giả). Xét theo tính chất của những điều được biểu hiện, có thể nói đến chủ đề toàn dân tộc và chủ đề phổ quát nhân loại

Chính sự đa dạng về chủ đề khiến văn bản trở nên đa nghĩa, đáp ứng được sự đón đợi của nhiều độc giả khác nhau và mỗi người có thể tìm thấy ở văn bản một điểm tâm đắc riêng. Mặc dù thể hiện nhiều chủ đề, tính thống nhất, trọn vẹn của văn bản vẫn luôn được nhà văn xem là đích cần hướng tới và điều này không có gì mâu thuẫn, bởi tự các chủ đề tự soi sáng, bổ sung cho nhau để cùng tạo nên một tác động mạnh mẽ, mang tính tổng hợp đối với người tiếp nhận.

2. Một số cách giải thích nghĩa của từ

Có nhiều cách giải thích nghĩa của từ tùy vào ngữ cảnh cụ thể, đặc điểm, tính chất của từ được giải thích (từ vay mượn, từ địa phương, từ cổ,...) Sau đây là một số cách cơ bản và thông dụng:

- Giải thích bằng hình thức trực quan: Chỉ vào sự vật, hiện tượng tồn tại trong thực tế vốn được gọi tên bằng từ đó (cũng có thể chỉ vào hình ảnh đại diện của sự vật được ghi nhận bằng các phương tiện phi ngôn ngữ như tranh, ảnh,...)
- Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Theo cách này, không chỉ nghĩa của các từ chỉ sự vật, hiện tượng quan sát được mà cả nghĩa của những từ biểu thị trạng thái tinh thần hay kết quả hoạt động tư duy của con người đều có thể được làm sáng tỏ.
- Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ được giải thích, theo quy ước ngầm rằng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa đó đã được người tiếp nhận biết đến.
- Giải nghĩa bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ được giải thích (đối với đa số từ ghép), sau đó, nêu nghĩa chung của từ.

B. YÊU CẦU

1. Đọc hiểu

- Nắm chắc các Tri thức Ngữ văn để vận dụng làm bài đọc hiểu.
- Vận dụng các Tri thức đã học để xác định được:
 - + Chi tiết, đề tài, thông tin, tri thức được trình bày trong văn bản; bố cục; cách trình bày dữ liệu, các phương tiện biểu đạt thông tin của văn bản.
 - + Xác định được vấn đề nghị luận của văn bản, luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo được trình bày trong văn bản; các yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản.
 - + Mục đích, thái độ và tình cảm của người viết; thông điệp, tư tưởng của văn bản.
 - + Lí giải, phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin trong văn bản.
 - + Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của cách đặt nhan đề văn bản.
 - + Chỉ ra và lí giải được mục đích, ý tưởng, thái độ, quan điểm của người viết thể hiện trong văn bản.
 - + Giải thích được tác dụng của bố cục, các yếu tố hình thức; cách sử dụng và trình bày dữ liệu của văn bản.
 - + Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản.
 - + Lý giải được cách đặt nhan đề; sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
 - + Phân tích được vai trò của các yếu tố thuyết minh hoặc miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

- + Thể hiện được thái độ đồng tình hay không đồng tình với nội dung văn bản, quan niệm của người viết.
- + Đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng các yếu tố hình thức trong văn bản; đánh giá được mức độ đáng tin cậy, tính chính xác của thông tin, tri thức trong văn bản.
- + Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn cá nhân về vấn đề nghị luận.
- + Trình bày được quan điểm đồng tình hay không đồng tình với quan niệm của tác giả, nội dung chính của văn bản.
- + Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, khoa học) của giai đoạn mà văn bản ra đời để đánh giá ý nghĩa, giá trị của văn bản.

2. Viết

2.1 Viết đoạn văn nghị luận

- Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn nghị luận.
- Giới thiệu được vấn đề nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn nghị luận.
- Trình bày nội dung và nghệ thuật qua hệ thống các luận điểm.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

2.2. Viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên

Văn bản thuyết minh là loại văn bản thường gặp trong mọi lĩnh vực của đời sống có chức năng cung cấp các tri thức về tính chất, đặc điểm, nguyên nhân... của các sự vật, sự việc, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng cách trình bày, giới thiệu, giải thích.

Yêu cầu đối với kiểu bài

- Nêu rõ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản giúp người đọc hình dung bước đầu về sự vật, hiện tượng đó.
- Làm sáng tỏ sự vật, hiện tượng theo trình tự phù hợp với đặc điểm của sự vật, hiện tượng đó.
- Nêu được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.
- Sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm hoặc nghị luận.

Thực hành viết:

- Mở bài: Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh; nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng đó.
- Thân bài:
 - + Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lý.
 - + Lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong bài viết.
- Kết bài: Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được thuyết minh.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO

ĐỀ THAM KHẢO 1
(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Tuyền Lâm di sản thiên nhiên độc đáo

Nằm về phía Bắc núi Phụng Hoàng, thắng cảnh quốc gia hồ Tuyền Lâm, cùng với thiền viện Trúc Lâm đã tạo nên quần thể danh thắng đẹp nổi tiếng - một trong những điểm đến hấp dẫn khi tới xứ sở ngàn hoa.



(Nắng mai trên hồ Tuyền Lâm. Ảnh: Võ Trang)

Hồ Tuyền Lâm cách trung tâm thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng) chừng 6 km về phía Nam, bên phải đèo Prenn dọc theo Quốc lộ 20, hướng Đà Lạt – thành phố Hồ Chí Minh. Hồ trước đây nguyên là dòng Suối Tía, thượng nguồn của sông Đa Tam bắt nguồn từ ngọn Núi Voi hùng vĩ. Hồ Tuyền Lâm được tạo thành bởi một đập nước chắn ngang Suối Tía do Ty Thủy lợi Lâm Đồng được Bộ Thủy lợi đầu tư xây dựng hoàn thành vào năm 1987, nhằm phục vụ việc tưới tiêu cho những cánh đồng lúa và hoa màu ở vùng hạ lưu thuộc huyện Đức Trọng.

[...] Trên các đồi núi ở trong khu vực thắng cảnh hồ Tuyền Lâm và những vùng lân cận như Núi Voi, Hòn Bù hiện nay vẫn còn lưu giữ gần như đầy đủ các hầm hào nơi đóng quân của các đơn vị thuộc Khu ủy Khu 6 và Thị ủy Đà Lạt. Ở khu vực rừng già Gia Lâm dọc theo bờ suối Đầu Voi thuộc địa phận xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng còn là nơi phát hiện dấu tích về một di chỉ khảo cổ thời tiền sử từ thời kỳ đồ đá cũ cách đây tới 3-4 vạn năm. Khu vực này có nhiều hốc đá, tảng đá lớn với nhiều hình thù kỳ bí, kéo dài hàng trăm mét lên hướng thượng nguồn nơi tiếp giáp với khu căn cứ cách mạng. Ở đây có những bãi cuội chạy dọc theo triền suối hằn đó là nguồn nguyên liệu phong phú để những người xưa chế tác công cụ.

Ở sâu trong khu vực trung tâm của khu căn cứ cách mạng (khu rừng già Gia Lâm), khu núi đá (Núi Voi) còn có những trảng rừng nguyên sinh, có suối nước trong, bãi đá cuội, thác nước với sự đa dạng sinh học của rừng nhiệt đới với nhiều loài động, thực vật quý hiếm, đặc biệt là thông đỏ và một số chim, thú, lan rừng,... Đặc biệt là đường lên núi có nhiều vách đá

dựng rất hiểm trở lên giữa tán cây rừng nguyên sinh, dây leo, với nhiều loài lan rừng, quang cảnh đẹp hoang dã và rất lãng mạn. Đỉnh Núi Voi cao 1.814.5 m so với mực nước biển, ở đây ta có thể quan sát được cả phía Đông thành phố.

Ngày 15/02/2017 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 205 công nhận Khu du lịch Hồ Tuyền Lâm là khu du lịch quốc gia. Đặc biệt, gần đây, Khu du lịch quốc gia Hồ Tuyền Lâm vừa được vinh danh là “Khu du lịch tiêu biểu châu Á - Thái Bình Dương” vào ngày 3/8/2023 tại thủ đô New Delhi, Ấn Độ trong chương trình diễn đàn “Giao lưu văn hóa và kinh tế Việt Nam - Ấn Độ”. Đây là niềm vinh dự, tự hào và cũng là cơ hội để danh thắng quốc gia hồ Tuyền Lâm - Khu du lịch quốc gia Hồ Tuyền Lâm quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao đến với bạn bè, du khách trong nước và quốc tế.

(Theo Đoàn Bích Ngọc, nguồn: <https://baolamdong.vn> ngày 29/12/2023)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định đề tài của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra một phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 3. Lý giải về cách đặt nhan đề của văn bản? (1,0 điểm)

Câu 4. Quan điểm của người viết được thể hiện qua văn bản là gì? (1,0 điểm)

Câu 5. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của tác giả: Hồ Tuyền Lâm là một *di sản thiên nhiên độc đáo* không? Vì sao? (1,0 điểm) (Trình bày bằng đoạn văn từ 3-5 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về vẻ đẹp Hồ Tuyền Lâm được trích ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 400 chữ) thuyết minh (có lồng ghép ít nhất 2 trong 4 yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận) về hiện tượng Trái Đất nóng lên.

-----**Hết**-----

Họ và tên học sinh:..... Số báo danh:

Chữ kí GT:.....

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG
**TRƯỜNG THPT BÙI THỊ
XUÂN**

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN NGỮ VĂN – LỚP 11

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO 2
(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Quyền được “flex”

(Lược đoạn đầu: *Tác giả dẫn nhập vào vấn đề và định nghĩa khái niệm “Flex” – khái niệm được dùng để chỉ việc “khoe thành tích” hay rộng hơn là chia sẻ bất kỳ điều gì khiến một người cảm thấy tự hào, tốt đẹp về bản thân*).

Có lẽ một trong những nguyên do khiến nhóm Flex này được cộng đồng hưởng ứng, vượt xa sức tưởng tượng hay kỳ vọng của bất kỳ ai là bởi nó đánh trúng một trong những nhu cầu tâm lý quan trọng nhất của con người: nhu cầu cảm thấy tốt đẹp về bản thân.

Theo tháp nhu cầu của Maslow, một khi đã thỏa mãn được những nhu cầu sinh lý căn bản và nhu cầu về an toàn ở những tầng dưới, con người sẽ bắt đầu theo đuổi những nhu cầu cao hơn về tinh thần: cảm thấy mình được yêu thương, mình thuộc về một cộng đồng nào đó và hơn hết, cảm thấy được nể trọng. Khi một người chia sẻ về những gì mình đang có hoặc đã đạt được mà lại được cộng đồng khen ngợi, cái “tôi” của họ sẽ được thỏa mãn. Đây cũng là lý do một số hội nhóm khoe tài nấu ăn hay nhà đẹp cũng từng nhanh chóng thu hút hàng triệu thành viên và luôn hoạt động rất sôi nổi. Sự khác biệt của nhóm Flex nằm ở chỗ nó cho phép mọi bạn trẻ, những người thường chưa có nhà và không yêu bếp, chia sẻ về tất cả những thứ khiến họ cảm thấy tự hào, từ việc vượt khó làm giàu cho tới giành huy chương Olympic Toán học. [...]

Dù ít hay nhiều, con người vẫn sẽ luôn đi tìm kiếm sự công nhận. Tuy nhiên, việc trở nên “nghiện” hay phụ thuộc quá mức vào sự công nhận hay khen ngợi có thể khiến chúng ta

đánh mất niềm tin vào giá trị của bản thân. Mặt tối của flex là nó có thể gây lầm tưởng rằng giá trị của ta phụ thuộc vào sự đánh giá của những người xung quanh. Những gì chúng ta làm dường như sẽ chỉ có giá trị nếu nhận được những lời tán dương, và ngược lại. Nói cách khác, người trẻ đổi mặt với nguy cơ trở thành "tù nhân của dư luận".

Bản chất của flex không xấu. Nếu đúng lúc, đúng chỗ và ở chừng mực vừa phải, nó có thể trở thành một công cụ để khích lệ và chia sẻ niềm vui với những người xung quanh. Chúng ta có thể học cách tự hào về những gì mình đạt được mà không sợ bị đánh giá là khoe mẽ. Hơn hết, chúng ta cũng có thể học cách tôn vinh và chia sẻ niềm vui với người khác mà không cần cảm thấy ganh tỵ hay đố kỵ.

Nhưng dù flex hay không flex, giá trị thật sự của mỗi người chưa bao giờ phụ thuộc vào số lượng "like" nhận được, mà vẫn luôn nằm ở những điều tốt đẹp mà chúng ta đã và đang nỗ lực tạo ra mỗi ngày.

(Ngô Di Lâm, Trích *Quyền được “flex”*, báo Vnexpress, thứ ba, 18/7/2023)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định vấn đề nghị luận của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Chỉ ra một bằng chứng được tác giả sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề rằng mọi người đều có quyền được “flex”. (0,5 điểm)

Câu 3. Nhan đề của văn bản có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung văn bản? (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/Chị hãy nhận xét tình cảm, thái độ của người viết đối với vấn đề đặt ra trong văn bản. (1,0 điểm)

Câu 5. Từ hiện tượng “flex” trong văn bản, anh/chị suy nghĩ gì về tác động của các trào lưu trên mạng xã hội đối với giới trẻ hiện nay. (1,0 điểm) (Trình bày bằng đoạn văn từ 3-5 dòng)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng trong văn bản *Quyền được “flex”* ở phần Đọc hiểu để làm rõ vấn đề nghị luận.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn (khoảng 400 chữ) thuyết minh (có lồng ghép ít nhất 2 trong 4 yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận) về hiện tượng sấm sét trong cơn mưa giông.

-----**Hết**-----

Họ và tên học sinh:..... Số báo danh:

Chữ kí GT:.....

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.